

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08/2022/DS-ST**
Ngày 04/4/2022.
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình;
Bà Vũ Thị Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát Viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản theo pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 122/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1941;

Địa chỉ: Số 44, tổ 6, phường G, quận L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Hoàng Liên S, sinh năm 1965; Địa chỉ: E14 (1039/11/6/26) đường N, tổ 10, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ liên lạc: B22, đường N, tổ 17, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo giấy ủy quyền ngày 09/9/2020. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Vũ Ngô Thùy T, sinh ngày 21/4/1999;

- Cháu Vũ Ngô Thùy N, sinh ngày 28/01/2001;

- Cháu Vũ Duy T, sinh ngày 14/10/2004;

- Cháu Vũ Duy Thành L, sinh ngày 18/10/2006;

Cùng địa chỉ: 83/20, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
Là các con ruột của ông Vũ Duy T và bà Ngô Thị Thu V, sinh năm 1972 (Bà V đã ly hôn với ông T vào năm 2015).

Người đại diện theo pháp luật của các cháu Vũ Duy T và Vũ Duy Thành L: Bà Ngô Thị Thu V. Bà V và các cháu T, N ủy quyền cho ông Hoàng Liên S, theo giấy ủy quyền ngày 06/7/2020. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (04 người con của ông Vũ Duy T), do ông Hoàng Liên S là người đại diện theo ủy quyền trình bày tóm tắt như sau:*

Vợ chồng bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1941 và ông Vũ Duy B sinh năm 1938, (chết ngày 26/6/2020, theo Trích lục khai tử số: 27/2020/TLKT do phường G, quận L, Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/6/2020); họ là cha mẹ ruột của ông Vũ Duy T, sinh ngày 01/01/1968; giấy chứng minh nhân dân số 272649675 cấp ngày 28/7/2014; đăng ký thường trú tại Khu dân cư Tín Khải, ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 29/6/2020, ông Vũ Duy T chết vì bệnh tại Bệnh Viện Đa khoa Đức Giang, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Ngày 10/8/2020, Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp Trích lục khai tử số: 62/2020/TLKT. Ông Vũ Duy T chết không để lại di chúc.

Ông Vũ Duy T có vợ là bà Ngô Thị Thu V, sinh năm 1972; trú tại 83/20, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, ông T và bà V đã ly hôn vào năm 2015.

Con chung của ông Vũ Duy T và bà Ngô Thị Thu V gồm có 04 người:

- 1/ Vũ Ngô Thùy T, sinh ngày 21/4/1999;
- 2/ Vũ Ngô Thùy N, sinh ngày 28/01/2001;
- 3/ Vũ Duy T sinh, ngày 14/10/2004;
- 4/ Vũ Duy Thành L, sinh ngày 18/10/2006.

Ngoài cha mẹ và con ruột, ông Vũ Duy T không có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, con ngoài giá thú.

Ông T nói với bà D có vợ sau là bà Đinh Thị T, sinh năm 1969; đăng ký thường trú: Thôn 4, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; tạm trú tại: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Mọi quan hệ hôn nhân với bà Đinh Thị T, bà D chỉ nghe ông T, bà T nói là vợ chồng, nhưng không thấy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của họ.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất sau khi ông T chết gồm có: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1941 (mẹ ruột ông Vũ Duy T); cùng 04 con ruột của ông T: Các cháu Vũ Ngô Thùy T, sinh ngày 21/4/1999; Vũ Ngô Thùy N, sinh ngày 28/01/2001; Vũ Duy T, sinh ngày 14/10/2004 và Vũ Duy Thành L, sinh ngày 18/10/2006.

Ngày 26/6/2020, ông Vũ Duy B chết. Ngày 29/6/2020, ông Vũ Duy T chết tại Long Biên, Thành phố Hà Nội do đột tử; bà Đinh Thị T có mặt cùng gia

đình lo tang sự cho ông Vũ Duy T. Tuy nhiên cho đến nay, bà T không có ý định cùng gia đình phân chia thừa kế tài sản do ông T để lại.

Di sản ông Vũ Duy T chết để lại gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 90m² thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 576006 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/12/2018 cho ông Vũ Duy T và bà Đinh Thị T; trên đất có căn nhà 1 trệt + 1 lầu diện tích xây dựng 74m². Hiện di sản này do bà Đinh Thị T đang quản lý.

Ngày 08/3/2021, bà Nguyễn Thị D là nguyên đơn trong vụ án có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này đã được Tòa án ra Thông báo về Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện số: 03/TB-TA ngày 15/3/2021.

Về kết quả đo đạc theo Trích lục và đo hiện trạng đất bản đồ địa chính số: 2461/2021 ngày 28/6/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu; và giá trị thẩm định giá tài sản theo Chứng thư thẩm định giá số: 132/TĐG-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến; phía nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với kết quả đo đạc và thẩm định giá.

Nay ông Hoàng Liên S là người đại diện theo ủy quyền của bà D và các con của ông T yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản do ông Vũ Duy T để lại gồm:

Bà Nguyễn Thị D yêu cầu được chia 1/5 giá trị di sản do ông Vũ Duy T để lại là: 1/2 quyền sử dụng diện tích đất 90m² và 1/2 tài sản gắn liền với đất là căn nhà 1 trệt + 1 lầu, diện tích xây dựng 74m², có mái che + công, thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 576006 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/12/2018 cho ông Vũ Duy T và bà Đinh Thị T và Trích lục và đo hiện trạng đất bản đồ địa chính số: 2461/2021 ngày 28/6/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu.

Và yêu cầu chia thừa kế cho các con của ông Vũ Duy T (Cháu Vũ Ngô Thùy T, sinh ngày 21/4/1999; Vũ Ngô Thùy N, sinh ngày 28/01/2001; Vũ Duy T, sinh ngày 14/10/2004 và Vũ Duy Thành L, sinh ngày 18/10/2006), mỗi cháu được hưởng 1/5 khối di sản nêu trên.

Ông S yêu cầu bà D và các con ông T (04 người), mỗi người được nhận giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền phần di sản nêu trên theo Chứng thư thẩm định giá số: 132/TĐG-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến.

Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, bà D chịu chi phí tố tụng và T nguyện chịu bao gồm luôn cho 04 người con của ông T theo phần di sản được chia. Bị đơn bà T phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn phần chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn bà Đinh Thị T trong quá trình tham gia tố tụng vắng mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến.*

* Ý kiến của Kiểm sát Văn tham gia phiên tòa: Về Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Hoàng Liên S đại diện theo ủy quyền chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn bà Đinh Thị T từ chối nhận văn bản tố tụng và vắng mặt tại các buổi làm Việc, tại phiên họp kiểm tra Việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chia thừa kế tài sản theo pháp luật di sản của ông Vũ Duy T chết để lại theo như yêu cầu; ghi nhận sự T nguyện về Việc bà T được hưởng khoản thù lao chi phí bảo quản di sản thừa kế trong tài sản chung giữa ông T và bà T. Về chi phí tố tụng, bà T phải hoàn trả lại chi phí tố tụng cho bà D theo quy định. Về án phí, bà D được miễn do là người cao tuổi, các con của ông T và bà T phải nộp án phí theo quy định. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về tranh chấp về thừa kế tài sản đối với bị đơn bà Đinh Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện và 04 người con của ông T là các cháu Vũ Ngô Thùy T, Vũ Ngô Thùy N, Vũ Duy T và Vũ Duy Thành L cũng có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về thừa kế tài sản của ông Vũ Duy T chết để lại đối với bà Đinh Thị T, nơi cư trú tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; di sản ông T chết để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích đất $90m^2$ và $\frac{1}{2}$ tài sản gắn liền với đất là căn nhà 1 trệt + 1 lầu, diện tích xây dựng $74m^2$, có mái che + cổng, thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 649 và Điều 650 của Bộ luật dân sự, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản theo pháp luật” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn bà Đinh Thị T không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia quá trình giải quyết vụ án, nhưng bà T vắng mặt từ thời điểm Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án, nên bà T không có ý kiến trình bày. Cho đến nay bà T không phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (04 người con của ông T) đưa ra, cũng như do Tòa án thu thập được và bà T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các ông (bà) Đinh Văn D, sinh năm 1985, Phan Thị D, sinh năm 1982 và cháu Đinh Kiều V, sinh năm 2014, là cháu bà Đinh Thị T; những người này mượn nhà ở nhờ trên nhà + đất nêu trên do bà T đang quản lý, họ ở nhờ cho đến tháng 02/2022 sẽ chuyển đi, nên Hội đồng xét xử không đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về thời hiệu khởi kiện về thừa kế: Vụ án vẫn còn thời hiệu đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 625 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 29/6/2020, ông Vũ Duy T, sinh năm 1968, chết không có để lại di chúc, di sản ông T chết để lại gồm có: $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích đất $90m^2$ và $\frac{1}{2}$ tài sản gắn liền với đất là căn nhà 1 trệt + 1 lầu, thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, là phần tài sản của ông T chết để lại trong tài sản chung với bà Đinh Thị T, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 576006 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/12/2018 cho ông Vũ Duy T và bà Đinh Thị T.

Ông Vũ Duy T và bà Đinh Thị T có sống chung với nhau từ năm 2015, nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà T hiện đang là người đang chiếm hữu, sử dụng, quản lý di sản này trong tài sản chung nêu trên giữa ông T và bà T.

Sau khi ông Vũ Duy T chết, phát sinh thời điểm mở thừa kế, địa điểm mở thừa kế là nơi có phần di sản của ông T chết như nêu trên, bà Nguyễn Thị D (mẹ ruột ông T) nhiều lần liên hệ bà Đinh Thị T thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông T chết để lại, nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ của người quản lý di sản, cụ thể là bà T không đồng ý phân chia di sản mà ông T chết để lại cho những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Duy T. Sự việc phát sinh tranh chấp nên bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, các con của ông T cũng có yêu cầu được hưởng phần di sản mà ông T chết để lại.

Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được xem xét trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập.

[4] Xác định di sản ông Vũ Duy T chết là phần tài sản của ông T trong tài sản chung với bà Đinh Thị T, gồm: $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích đất $90m^2$ và $\frac{1}{2}$ tài sản gắn liền với đất là căn nhà 1 trệt + 1 lầu, diện tích xây dựng $74m^2$, có mái che + công, thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 576006 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/12/2018 cho ông Vũ Duy T và bà Đinh Thị T.

[5] Những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Duy T, bao gồm: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1941 (mẹ đẻ của ông T), 04 người con đẻ của ông T là các cháu Vũ Ngô Thùy T, sinh ngày 21/4/1999;

Vũ Ngô Thùy N, sinh ngày 28/01/2001; Vũ Duy T, sinh ngày 14/10/2004; Vũ Duy Thành L, sinh ngày 18/10/2006. Tổng cộng là 05 người.

Đối với ông Vũ Duy B, sinh năm 1938 (cha đẻ của ông T), chết ngày 26/6/2020, ông B chết trước ông T 03 (ba) ngày, nên ông B không phải là người thừa kế.

Đối với bà Đinh Thị T, mặc dù có sống chung với ông T vào năm 2015 cho đến khi ông T chết, nhưng hai người không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu; Văn phòng công chứng Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu và Ủy ban nhân dân xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông; kết quả xác minh đều cho biết không có việc đăng ký kết hôn giữa ông T và bà T, nên giữa bà T và ông T không có quan hệ hôn nhân được pháp luật thừa nhận; vì vậy bà T cũng không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T.

Đối với bà Ngô Thị Thu V, sinh năm 1972; bà V đã ly hôn với ông T vào năm 2015, theo Bản án số: 56/2015/HNGĐ ngày 26/3/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (bản án đã có hiệu lực pháp luật), nên bà V cũng không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T.

Ngoài ra, ông Vũ Duy T không có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, con ngoài giá thú.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và yêu cầu của 04 người con của ông T là có căn cứ, bởi lẽ: Ông Vũ Duy T chết ngày 29/6/2020 không để lại di chúc, bắt đầu phát sinh thời điểm mở thừa kế, địa điểm mở thừa kế là nơi có phần di sản của ông T chết để lại tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu theo quy định tại Điều 611 của Bộ luật dân sự.

Di sản ông Vũ Duy T chết là phần tài sản của ông T trong tài sản chung với bà Đinh Thị T theo quy định tại Điều 612 của Bộ luật dân sự, gồm: $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích đất $90m^2$ và tài sản gắn liền với đất là căn nhà 1 trệt + 1 lầu như đã nêu trên. Đối với $\frac{1}{2}$ tài sản trong khối tài sản chung của ông Vũ Duy T và bà Đinh Thị T thuộc quyền quản lý, sử dụng và sở hữu hợp pháp của bị đơn bà Đinh Thị T theo quy định tại Điều 612 của Bộ luật dân sự.

Nguồn gốc nhà, đất này do ông Vũ Duy T và bà Đinh Thị T nhận chuyển nhượng vào ngày 15/11/2018 từ bà Lý Thị Lệ, sinh năm 1949, trước đó bà Lệ nhận chuyển nhượng nhà, đất vào tháng 10/2017 từ bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952. Khi nhận chuyển nhượng đã có căn nhà 1 trệt + 1 lầu xây dựng gắn liền với đất (do chủ cũ là bà Nguyễn Thị Định xây dựng). Điều này phù hợp với hồ sơ sao lục cấp Giấy chứng nhận tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu; Giấy xác nhận đề ngày 24/3/2022 của bà Nguyễn Thị Đ (công chứng ngày 24/3/2022), do bà Đ cung cấp.

Theo Chứng thư thẩm định giá tài sản số 132/TĐG-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến và Trích lục và đo hiện trạng đất bản đồ địa chính số: 2461/2021 ngày 28/6/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu, xác định tổng diện tích đất thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại xã T, huyện V, có diện tích $90m^2$ được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 1), mục đích sử dụng ONT; giá đất thổ cư (ONT) là

20.000.000 đồng/m²; nhà ở diện tích xây dựng 74m², diện tích sàn xây dựng 148m², có kết cấu: Móng, cột bê tông cốt thép, xà gồ sắt, mái tôn, ô văng bê tông cốt thép, nền gạch ceramic, tường gạch dày 200mm, ốp gạch ceramic trên S nước, mặt tiền nhà ốp gạch ceramic, cửa đi + cửa sổ khung sắt kính, trần thạch cao khung chìm, khu bếp + vệ sinh đầy đủ; phần mái che + cổng (16m²) có kết cấu: 02 trụ bê tông cốt thép xây gạch bao xung quanh 400x400mm, ốp gạch ceramic cao 3,1m, cổng khung thép hình dài 4,15m, cao 3m, tường hai mặt bên xây gạch dày 100mm, ốp gạch ceramic, S nước cao 2,5m, trên khung sắt bọc tôn, xà gồ sắt, mái tôn, nệm gạch ceramic; chất lượng nhà ở, mái che + cổng còn lại 85%.

Quyền sử dụng đất có giá trị: Giá đất thổ cư (ODT) là 20.000.000 đồng/m² x 90m² = 1.800.000.000 đồng. Nhà ở có giá trị: 148m² x 85% x 6.500.000đ/m² = 817.700.000 đồng. Mái che + cổng: 16m² x 85% x 2.400.000đ/m² = 32.640.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thẩm định là 2.650.340.000đ (Hai tỷ sáu trăm năm mươi triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng). Như vậy ½ tài sản chung có giá trị là 2.650.340.000đ : 2 = 1.325.170.000đ (Một tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng).

Những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Duy T, là người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự.

Do đó, phần di sản của ông Vũ Duy T chết là phần tài sản của ông T trong tài sản chung với bà Đinh Thị T được chia đều theo pháp luật thành 05 kỷ phần, tương ứng với số tiền 1.325.170.000 đồng : 5 = 265.034.000 đồng.

Đối với bà Đinh Thị T là người đang chiếm hữu, sử dụng, quản lý di sản này trong tài sản chung nêu trên giữa ông T và bà T, nhưng bà T không đồng ý phân chia di sản mà ông T chết để lại cho những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Duy T. Việc bà T đang là người quản lý di sản đã được nguyên đơn thừa nhận. Sau khi ông Vũ Duy T chết (ngày 29/6/2020) cho đến nay (gần 02 năm), bị đơn bà Đinh Thị T là người quản lý phần di sản của ông T để lại trong khối tài sản chung, nên Hội đồng xét xử cần phải tính thù lao, chi phí cho bà T trong thời gian quản lý di sản, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người quản lý di sản theo quy định tại Điều 618 của Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ và đã thông báo đầy đủ kết quả thu thập được tài liệu, chứng cứ cho các đương sự biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng các đương sự không thỏa thuận được do bị đơn bà Đinh Thị T không hợp tác.

Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và 04 người con của ông T do ông Hoàng Liên S, là người đại diện theo ủy quyền yêu cầu mỗi người được nhận giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền phần di sản nêu trên theo kết quả Chứng thư thẩm định giá số 132/TĐG-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến; và tại phiên tòa hôm nay ông S đồng ý cho bà T được hưởng khoản thù lao, chi phí trong thời gian quản lý di sản, tương ứng với

giá trị một kỷ phần di sản thừa kế của ông T khi chia theo pháp luật trên tổng trị giá di sản yêu cầu chia, với số tiền 220.861.666 đồng (1.325.170.000 đồng : 6 = 220.661.666 đồng). Ý kiến của ông S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và phù hợp theo quy định của pháp luật về thừa kế, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Tuy nhiên, trước khi ông T chết, quyền sử dụng diện tích đất 90m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà 1 trệt + 1 lầu, diện tích xây dựng 74m², có mái che + cổng, thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai do ông Vũ Duy T và bị đơn bà Đinh Thị T quản lý, sử dụng. Sau khi ông T chết cho đến nay, bị đơn bà T vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng phần tài sản chung này (1/2 tài sản là phần tài sản của bà T, 1/2 tài sản là di sản của ông T). Do đó, Hội đồng xét xử giao cho bị đơn bà Đinh Thị T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất 90m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà 1 trệt + 1 lầu, diện tích xây dựng 74m², có mái che + cổng, thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại xã T, huyện V, bao gồm phần diện tích đất + tài sản gắn liền với đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị đơn trong khối tài sản chung với ông T và phần diện tích đất + tài sản trên đất mà ông T để lại; bị đơn bà Đinh Thị T có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị D (mẹ ông T) và 04 người con đẻ của ông T, tương ứng với phần di sản mỗi người được nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ theo qui định tại các Điều 612, 613, 616, 618, 651 của Bộ luật dân sự, nhận thấy việc bà Nguyễn Thị D (mẹ ông T) và 04 người con của ông Vũ Duy T yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật là phần tài sản của ông T chết để lại trong tài sản chung với bà Đinh Thị T, là có cơ sở để chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện cho bà T được hưởng khoản thù lao, chi phí trong thời gian quản lý di sản, tương ứng với giá trị một kỷ phần di sản thừa kế.

Cụ thể, giá trị phần di sản bà Nguyễn Thị D cùng với các cháu Vũ Ngô Thùy T, Vũ Ngô Thùy N, Vũ Duy T và Vũ Duy Thành L, mỗi người nhận được từ di sản của ông Vũ Duy T là 220.661.666 đồng; tổng cộng 220.661.666 đồng x 05 người = 1.103.308.330 đồng. Bà Đinh Thị T được hưởng phần chi phí bảo quản di sản của ông T trong khối tài sản chung là 220.661.666 đồng.

[7] Ngày 08/3/2021, bà Nguyễn Thị D có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với quyền sử dụng diện tích đất 136m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 120m² thuộc thửa đất số 313, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 633756 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/01/2018.

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 1/2 tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 90m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 576006 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/12/2018.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà D là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện số: 03/TB-TA ngày 15/3/2021. Căn cứ theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 210, Điều 243 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp về thừa kế tài sản là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị D đã nộp chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá số tiền là 26.461.000 đồng. Do số tiền trên phục vụ cho việc chia di sản thừa kế theo pháp luật trong tài sản chung của ông Vũ Duy T và bà Đinh Thị T, nên giải quyết phần các đương sự phải chịu đối với chi phí tố tụng như sau:

Bà Nguyễn Thị D chịu chi phí tố tụng và tự nguyện chịu bao gồm luôn cho 04 người con của ông T là 22.050.834 đồng (5/6 của số tiền 26.461.000 đồng). Bị đơn bà Đinh Thị T phải chịu chi phí tố tụng là 4.410.000 đồng (1/6 của số tiền 26.461.000 đồng). Do bà Nguyễn Thị D đã tạm ứng toàn bộ số tiền trên, nên cần buộc bị đơn bà Đinh Thị T phải có trách nhiệm trả lại cho bà D phần chi phí tố tụng là 4.410.000 đồng.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi; những người thừa kế là 04 con của ông T và bà Đinh Thị T phải phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, mỗi người phải nộp là 11.033.000 đồng.

[10] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 210, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 243, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 612, 613, 616, 618, 649, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự. Điều 95 và Điều 166 của Luật đất đai. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Vũ Ngô Thùy T, Vũ Ngô Thùy N, Vũ Duy T và Vũ Duy Thành L về việc tranh chấp về thừa kế tài sản theo pháp luật với bị đơn bà Đinh Thị T.

- Buộc bà Đinh Thị T có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản cho bà Nguyễn Thị D (mẹ đẻ của ông T), 04 người con đẻ của ông T là các cháu Vũ

Ngô Thùy T, Vũ Ngô Thùy N, Vũ Duy T, Vũ Duy Thành L, mỗi người được nhận số tiền 220.661.666đ (Hai trăm hai mươi triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng); tổng cộng 220.661.666 đồng x 05 người = 1.103.308.330đ (Một tỷ một trăm lẻ ba triệu ba trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (04 người con của ông T) cho bà Đinh Thị T được hưởng phần chi phí bảo quản di sản của ông T trong khối tài sản chung với số tiền là 220.661.666đ (Hai trăm hai mươi triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Bà Đinh Thị T được quyền quản lý, sử dụng đối với quyền sử dụng diện tích đất 90m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 1) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà 1 trệt + 1 lầu, diện tích xây dựng 74m², có mái che + công, thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 576006 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/12/2018, Trích lục và đo hiện trạng đất bản đồ địa chính số: 2461/2021 ngày 28/6/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu).

Bà Đinh Thị T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đăng ký biến động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo nội dung quyết định của bản án này theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về tranh chấp về thừa kế tài sản đối với bị đơn bà Đinh Thị T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị D chịu chi phí tố tụng và tự nguyện chịu bao gồm luôn cho 04 người con của ông T là 22.050.834 đồng (5/6 của số tiền 26.461.000 đồng), bà D đã nộp đủ số tiền này. Bà Đinh Thị T phải có trách

nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền chi phí tố tụng là 4.410.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười ngàn đồng).

2. Về án phí DS-ST: Bà Nguyễn Thị D thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Cháu Vũ Ngô Thùy T, Vũ Ngô Thùy N, Vũ Duy T và Vũ Duy Thành L (04 con của ông T) và bà Đinh Thị T, mỗi người phải nộp án phí là 11.033.000đ (Mười một triệu không trăm ba mươi ba ngàn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Anh Sơn